

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 57/2023/DS - PT
Ngày: 31/8/2023
Vv tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế.

Các Thẩm phán: Ông Lê Quý My và bà Nguyễn Thị Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thuý Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 và 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2023/TLPT- DS ngày 13 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/QĐPT-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ;

Địa chỉ cũ: Số B, đường T, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ mới: Số A, đường T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T - Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lã Thị H - Chức vụ: Phó giám đốc khối xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Người được uỷ quyền lại: Ông Trần Hải V - Chuyên viên tổ tụng địa bàn Miền B - Khối xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (Văn bản uỷ quyền số 4284 ngày 03/4/2022, ông V có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Quỳnh T1, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Số nhà B, đường P, tổ dân phố Á, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (văn bản uỷ quyền ngày 08/8/2023, bà T1 có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C: Bà Nguyễn Thị Ngọc A

- Luật sư Công ty L Nguyễn Ngọc A và cộng sự - Đoàn Luật sư tỉnh T (bà A có mặt tại phiên tòa).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt tại phiên tòa).

3.2. Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1979;

Địa chỉ: tổ dân phố H, phường H, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (viết tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngày 24/01/2019 bà Nguyễn Thị C có ký hợp đồng tín dụng vay Ngân hàng số tiền 1.600.000.000đ (một tỷ, sáu trăm triệu đồng); Thời hạn của hạn mức tín dụng là: 03 kỳ, mỗi kỳ kéo dài 12 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng; Thời hạn tối đa của mỗi khoản vay trong hạn mức tín dụng không quá 06 tháng; Mục đích sử dụng hạn mức tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay trong hạn được thỏa thuận cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ của mỗi lần giải ngân, lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ; lãi suất chậm trả =150% lãi suất trong hạn và được áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn; và/hoặc bằng 10%/năm và được áp dụng đối với dư nợ lãi chậm trả. Ngoài ra ngày 21/01/2019 bà C còn mở thẻ tín dụng với hạn mức 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để tiêu dùng.

Ngày 27/7/2019 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số tiền 1.600.000.000đ vào tài khoản mang tên ông Nguyễn Văn T2 theo uỷ nhiệm chi lập ngày 27/7/2019 và giấy đề nghị giải ngân ngày 27/7/2019 của bà Nguyễn Thị C. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 20/4/2023, bà C mới trả được cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn là 54.156.808đ (năm mươi tư triệu, một trăm năm mươi sáu nghìn, tám trăm linh tám đồng) và lãi quá hạn là 101.722đ (một trăm linh một nghìn, bảy trăm hai mươi hai đồng), về tiền gốc bà C không trả được đồng nào và trong thẻ tiêu dùng bà C đã sử dụng 528.000đ. Như vậy tính đến ngày 20/4/2023 bà C còn nợ Ngân hàng số tiền: 2.508.796.572đ (hai tỷ, năm trăm linh tám triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng) trong đó:

- Nợ gốc: 1.600.528.000đ;
- Lãi trong hạn: 35.373.056đ;
- Lãi quá hạn: 872.895.516đ;

Về tài sản thế chấp bảo đảm khoản vay: Bà C đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 503, tờ bản đồ số 17, diện tích: 1.500m², địa chỉ thửa đất tại: Xóm H (nay là tổ dân phố H), xã H (nay là phường H), thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên. Tài sản được thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1902400301/HĐTC/TNA-NTC ngày 24/01/2019 tại Phòng C1 tỉnh Thái Nguyên. Tài sản thế chấp có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp của bên

vay. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị C phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt, phí phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng ngày 24/01/2019. Tạm tính đến hết ngày 20/4/2023 là: 2.508.796.572đ (hai tỷ, năm trăm linh tám triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc: 1.600.528.000đ; Nợ lãi trong hạn: 35.373.056đ; Lãi suất quá hạn: 872.895.516đ. Ngoài ra bà C còn phải chịu lãi phát sinh đối với số tiền không thanh toán được từ ngày 21/4/2023 đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng. Trường hợp bà C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm nêu trên để xử lý, thu hồi nợ cho Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ bán tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì bà C vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà công nhận ngày 24/01/2019 bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, các thủ tục vay bà nhờ anh T2 làm giúp, thực chất bà chỉ vay 250.000.000đ. Anh T2 đã lợi dụng lòng tin của bà và tự ý ghi vào hồ sơ vay vốn là 1.600.000.000đ (một tỷ, sáu trăm triệu đồng). Một thời gian sau bà được anh Nguyễn Văn T3 đưa cho 250.000.000đ, bà dùng số tiền này trả nợ tiền cầm của anh T3 130.000.000đ, số tiền còn lại bà trả tiền nợ cầm những người khác. Sau khi ký hợp đồng xong bà không giao dịch gì với Ngân hàng. Đến hết hạn 06 tháng đáo hạn của Ngân hàng thì bà được Ngân hàng thông báo, lúc này bà mới biết bà đang nợ Ngân hàng 1.600.000.000đ tiền gốc. Bà có đến Ngân hàng - Chi nhánh T4 để trình bày sự việc bằng lời thì được Ngân hàng giải thích và bảo bà về làm giấy tờ đề nghị và trình bày với Ngân hàng đồng thời về yêu cầu ông T2 viết giấy nhận nợ rồi mang đến nộp cho Ngân hàng. Bà về gặp ông T2 và bảo ông T2 thu xếp tiền trả Ngân hàng để bà lấy sổ đỏ về thì ông T2 bảo bà cứ yên trí ông sẽ thu xếp, sau nhiều lần bà thúc ông T2 thì ông T2 cắt liên lạc, không gặp bà nữa, ông T2 đã lừa gia đình bà. Nay bà xác định có được ký vào hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và uỷ nhiệm chi nên Ngân hàng đã giải ngân vào tài khoản số tiền nêu trên cho ông T2. Nhưng bà không mua hàng gì với ông T2 mà chỉ mua bán cầm của anh T3. Hàng quý bà có mang tiền lãi lên đóng cho ông T2, số tiền đóng là bao nhiêu bà không nhớ và không có tài liệu gì để chứng minh.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền: 2.508.796.572đ (hai tỷ, năm trăm linh tám triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc: 1.600.528.000đ; Nợ lãi trong hạn: 35.373.056đ (ba mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn: 872.895.516đ (tám trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm chín mươi năm nghìn, năm trăm mười sáu đồng). Quan điểm của bà là bà chỉ được nhận 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng) bà sẽ có trách nhiệm trả cho Ngân hàng 250.000.000đ và lãi suất theo quy định của Ngân hàng, số tiền còn lại 1.350.000.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng) bà không

được vay, không được sử dụng mà ông T2 cầm và sử dụng thì ông T2 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng. Ông T2 cũng đã viết giấy nhận nợ với bà và hẹn bà đến tháng 12 năm 2023 sẽ trả cho bà thì bà mới có tiền trả cho Ngân hàng, còn nếu ông T2 không trả cho bà số tiền nêu trên thì bà cũng không đồng ý trả số nợ cho Ngân hàng vì bà chỉ được sử dụng 250.000.000đ. Trong trường hợp bà không trả được tiền cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của bà như nêu ở trên để thu hồi nợ thì bà cũng không đồng ý.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khai:

- Ông Nguyễn Văn T3 trình bày: Ông và bà C chỉ có mối quan hệ hàng xóm, khi ông còn làm dịch vụ buôn bán cám cùng ông T2, ông T2 có nhận làm hồ sơ vay vốn và có nhờ ông đưa chuyên viên Ngân hàng đi xem tài sản và đến đo đạc đất của nhà bà C. Quá trình Ngân hàng đến thẩm định đất của nhà bà C thì bà C có nhà và trực tiếp dẫn cán bộ Ngân hàng ra xem xét đo đất. Sau đó việc bà C làm hồ sơ vay vốn với Ngân hàng N và việc giải ngân giữa Ngân hàng và bà C như thế nào thì ông không biết. Hôm bà C lên Ngân hàng làm hồ sơ thì bà C có nhờ ông đưa bà C đi, đến nơi ông ngồi ở bên ngoài đợi còn bà C trực tiếp vào làm việc với Ngân hàng, bà C làm xong thì ông lại đưa bà C về, bà C cũng không nói chuyện với ông là vay bao nhiêu tiền và vay về làm gì. Ông T2 có nhờ ông cầm 250.000.000đ về đưa cho bà C ông cầm số tiền 250.000.000đ về đưa toàn bộ cho bà C. Bà C sử dụng số tiền đó như thế nào ông không biết. Việc bà C trình bày là có trả tiền cám cho ông 130.000.000đ là không đúng vì bà C không mua bán cám với ông mà chỉ có con của bà C mua bán cám với ông và hiện nay con bà C vẫn còn đang nợ tiền cám của ông, ông không nhận tiền gì của bà C.

- Ông Nguyễn Văn T2 trình bày: Ông và bà C không có quan hệ họ hàng gì với nhau. Thời gian năm 2019 ông có làm dịch vụ bán cám, ông Nguyễn Văn T3 có làm đại lý cấp 2 cho ông, có lấy cám của ông về bán cho dân. Trong thời gian đó bà C có đến hỏi ông thủ tục về việc vay vốn của Ngân hàng, ông có hướng dẫn cho bà C về làm đơn và lên gặp Ngân hàng để liên hệ làm hồ sơ vay vốn. Sau đó thủ tục vay vốn giữa bà C với Ngân hàng như thế nào thì ông không biết. Đến ngày 27/7/2019 ông có nhận được 1.600.000.000đ (một tỷ, sáu trăm triệu đồng) từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ - Chi nhánh T4 chuyển vào tài khoản số 057.000.145.4244 của ông với nội dung bà C thanh toán tiền mua hàng. Vì trước đó bà C cũng đặt vấn đề mua cám của ông. Sau đó bà C có đến báo ông bà lấy 250.000.000đ tiền mặt để về xử lý việc riêng của gia đình, số còn lại thì bà sẽ lấy cám dần để về chăn nuôi, nên khi thấy báo có tiền ông đã đưa cho ông T3 250.000.000đ nhờ về đưa cho bà C. Sau đó bà C không lấy cám của ông nữa, đến nay ông xác định là ông còn cầm của bà C số tiền 1.350.000.000đ (một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng). Ông đã viết giấy nhận nợ với bà C và hẹn bà C đến tháng 12 năm 2023 sẽ thu xếp tiền để trả cho bà C và bà C cũng đã nhất trí. Nay Ngân hàng khởi kiện bà C thì quan điểm của ông là việc vay nợ giữa bà C với Ngân hàng như thế nào không liên quan đến ông, bà C vay Ngân hàng thì bà C phải có trách nhiệm trả nợ với Ngân hàng còn ông sẽ có trách nhiệm trả nợ cho bà C số tiền 1.350.000.000đ tiền gốc và tiền lãi tính từ 27/7/2019 đến khi ông trả đủ

bà C số tiền gốc và lãi theo quy định như Ngân hàng đã tính với bà C. Ông xác định ông không liên quan gì đến Ngân hàng.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử và quyết định:

Căn cứ: Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 146, 147, 266, 269, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 274, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 317, 319, 320, 321, 322, 463, 465, 466, 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự;

Các Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu trả nợ số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số REF 1902400301/HĐTD/TNA-NTC ngày 24/01/2019 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/4/2023 là: 2.508.796.572đ (hai tỷ, năm trăm linh tám triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc: 1.600.528.000đ; Lãi trong hạn: 35.373.056 đ (ba mươi năm triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng); Lãi quá hạn: 872.895.516đ (tám trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm chín mươi năm nghìn, năm trăm mười sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023), bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với S

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số REF 1902400301/HĐTC/TNA-NTC ngày 24/01/2019 số công chứng: 349, Quyền số: 01/TP-CC/SCC-HĐGD ngày 18/9/2019 tại Phòng C1 tỉnh Thái Nguyên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 503, tờ bản đồ số: 17, diện tích: 1.500m², địa chỉ thửa đất tại: Xóm H (nay là tổ dân phố H), xã H (nay là phường H), thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 104681, số vào Sổ cấp GCN: CS02473/QSDĐ/4174/QĐ-UBND do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15/01/2019 cho bà Nguyễn Thị C.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 503, tờ bản đồ số: 17, diện tích: 1500m², địa chỉ thửa đất tại: Xóm H (nay là tổ dân phố H), xã H (nay là phường H), thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CS02473/QSĐĐ/4174/QĐ-UBND do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15/01/2019 cho bà Nguyễn Thị C và các công trình, cây cối hoa màu trên đất như mô tả tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo diện tích, kích thước, vị trí đã thẩm định tại chỗ (có sơ đồ kèm theo).

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP Đ, số tiền còn thừa thì được trả lại cho bà C. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Đ thì bà C phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đất: Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 10.000.000đ (trong đó tiền đo đất là 8.000.000đ; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ).

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 82.175.900đ (tám mươi hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn, chín trăm đồng). Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền 31.188.300đ (ba mươi một triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002424 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2023 bà Nguyễn Thị C kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị C vẫn giữ nguyên nội dung đã kháng cáo.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về kháng cáo của bà Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm với lý do bà chỉ được nhận số tiền 250.000.000đ, trong tổng số 1.600.000.000đ, mà bà vay, số tiền còn lại 1.350.000.000đ, là ông T2 sử dụng nên bà không có trách nhiệm phải trả số tiền này. Thứ hai bà cho rằng có sự chênh lệch diện tích đất thực tế và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2019,

diện tích đất thực tế nhiều hơn 400m². Thứ ba có sự giả mạo chữ ký trong văn bản thoả thuận chia tài sản chung của gia đình bà. Thứ tư tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất không thể chấp tài sản trên đất.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị C thấy rằng: Do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh nên ngày 24 /01/2019 bà C có đơn đề nghị vay vốn với số tiền 1.600.000.000đ, (BL 110). Giữa bà C với Ngân hàng có văn bản thoả thuận về giá trị tài sản thế chấp ngày 23/01/2019 là 2.340.000.000đ (BL 63) sau đó bà C có đơn ngày 24/01/2019 yêu cầu đăng ký thế chấp gửi Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã P (BL 61) đồng thời làm hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên thửa đất số 503 với Ngân hàng có công chứng ngày 24/01/2019 (BL 78). Ngày 27/7/2019 bà C đề nghị Ngân hàng giải ngân 1.600.000.000đ vào tài khoản của ông Nguyễn Văn T2 (BL 111) và đồng thời ký giấy nhận nợ với Ngân hàng 1.600.000.000đ (BL 107).

[3] Như vậy quá trình giao kết Hợp đồng đã thực hiện xong, Ngân hàng đã chuyển đầy đủ số tiền 1.600.000.000đ vào tài khoản của ông T2 theo yêu cầu của bà C là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, các bên không có ý kiến phản đối về việc bị lừa dối hoặc bị đe dọa hay cưỡng ép do vậy hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp, cần được pháp luật bảo vệ. Việc bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là vi phạm nghĩa vụ của mình được quy định trong hợp đồng đã ký kết, xâm phạm đến quyền và lợi ích của Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà C công nhận toàn bộ chữ ký của bà trong hồ sơ vay vốn là đúng nên bà phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng, còn bà cho rằng bà chỉ được nhận 250.000.000đ, từ ông T2, số tiền còn lại 1.350.000.000đ ông T2 sử dụng nên ông T2 phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng là hết sức vô lý. Mỗi quan hệ giữa khoản tiền 1.350.000.000đ ông T2 sử dụng, thì ông T2 cũng thừa nhận và còn viết giấy nhận nợ với bà đó là quan hệ pháp luật khác, bà có quyền khởi kiện ông T2 bằng vụ kiện khác, còn bà ký vay của Ngân hàng thì bà phải hoàn toàn chịu trách nhiệm với Ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm bà C không có yêu cầu độc lập, không có yêu cầu phản tố do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét khoản tiền 1.350.000.000đ mà ông T2 còn nợ của bà chưa trả nên dành quyền khởi kiện cho bà bằng một vụ án khác nếu bà có yêu cầu là đúng.

[4] Ngoài ra bà C còn kháng cáo cho rằng diện tích đất thực tế bà sử dụng nhiều hơn diện tích có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Ngân hàng chỉ được quyền phát mại tài sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn diện tích dôi dư mà không có tranh chấp thì bà có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp quyền sử dụng đất bổ sung cho bà theo quy định của pháp luật, ngoài ra bà còn cho rằng trong văn bản phân chia tài sản của bà và các con có sự giả mạo chữ ký, chữ viết thì bà có quyền khiếu nại đến cơ quan Công chứng, chứng thực vì văn bản phân chia tài sản này được Văn phòng Công chứng, chứng thực là hợp pháp. Bà C còn cho rằng không thể chấp tài sản trên đất mà chỉ thế chấp quyền sử dụng đất, về vấn đề này đã được thể hiện trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có công chứng, chứng thực.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như hiện trạng sử dụng đất nhiều hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà C chỉ thể chấp quyền sử dụng đất không thể chấp tài sản trên đất, chữ ký của bà H1 trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản là giả và đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy rằng những vấn đề người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C nêu ra đã được nhận định đầy đủ như trên nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà C mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên bà C là người cao tuổi nên cần áp dụng Nghị quyết số 326 để miễn tiền án phí cho bà C.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 274, 275, 280, 292, 293, 295, 298, 317, 319, 320, 321, 322, 463, 465, 466, 468 và Điều 688 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ khởi kiện đối với bị đơn bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu trả nợ số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn.

- Buộc bà Nguyễn Thị C phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn theo hợp đồng tín dụng số REF 1902400301/HĐTD/TNA-NTC ngày 24/01/2019 tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 20/4/2023 là: 2.508.796.572đ (hai tỷ, năm trăm linh tám triệu, bảy trăm chín mươi sáu nghìn, năm trăm bảy mươi hai đồng). Trong đó nợ gốc: 1.600.528.000đ (một tỷ, sáu trăm triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn đồng); Lãi trong hạn: 35.373.056đ (ba mươi năm triệu, ba trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng); Lãi quá hạn: 872.895.516đ (tám trăm bảy mươi hai triệu, tám trăm chín mươi năm nghìn, năm trăm mười sáu đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (21/4/2023), bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản

nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với S.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số REF 1902400301/HĐTC/TNA-NTC ngày 24/01/2019 số công chứng: 349, Quyền số: 01/TP-CC/SCC-HĐGD ngày 18/9/2019 tại Phòng C1 tỉnh Thái Nguyên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 503, tờ bản đồ số: 17, diện tích: 1.500m², địa chỉ thửa đất tại: Xóm H (nay là tổ dân phố H), xã H (nay là phường H), thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 104681, số vào Sổ cấp GCN: CS02473/QSĐĐ/4174/QĐ-UBND do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15/01/2019 cho bà Nguyễn Thị C.

- Trong trường hợp bà Nguyễn Thị C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 503, tờ bản đồ số: 17, diện tích: 1500m², địa chỉ thửa đất tại: Xóm H (nay là tổ dân phố H), xã H (nay là phường H), thị xã P (nay là thành phố P), tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CQ 104681, số vào Sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS02473/QSĐĐ/4174/QĐ-UBND do Sở tài nguyên và Môi trường cấp ngày 15/01/2019 cho bà Nguyễn Thị C và các công trình, cây cối hoa màu trên đất như mô tả tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo diện tích, kích thước, vị trí đã thẩm định tại chỗ (có sơ đồ kèm theo bản án).

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ, số tiền còn thừa thì được trả lại cho bà C. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ thì bà C phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đất: Buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

3. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị C. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ 31.188.300đ (ba mươi một triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, ba trăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002424 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND thành phố Phổ Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phổ Yên;
- Các đương sự;
- UBND thành phố Phổ Yên;
- UBND phường Hồng Tiến;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quế